TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2024/DS-ST Ngày 04-7-2024 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trương Thị Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Lầu 15 tòa nhà Centec, số 72-74 Nguyễn Thị M, Phường V, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Minh T; Địa chỉ: Số 09, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy uỷ số: 417/2024/UQ-JIVF-LM ngày 26 tháng 3 năm 2024 (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thanh N; Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T ông Hứa Minh T trình bày:

Ngày 07 tháng 5 năm 2023 bị đơn bà Trần Thanh N ký hợp đồng tín dụng số 9196800041265600000 với Công ty T để vay tiền mua xe máy cũ theo hình thức trả góp hàng tháng, thời hạn vay là 18 tháng; số tiền vay: 25.000.00 đồng; lãi suất: 4.3500%/tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng: 2.043.421 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng. Ngày 22 tháng 6 năm 2023 bà Trần Thanh N đã thanh toán được cho Công ty T số tiền là 2.048.671 đồng, cụ thể: tiền gốc: 851.805 đồng; tiền lãi: 1.215.616 đồng; lãi quá hạn: 5.250 đồng; Phí quản lý khoản vay: 12.000 đồng. Từ sau ngày 22 tháng 6 năm 2023 đến ngày 04 tháng 7 năm 2024, bà Nhanh không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T theo thoả thuận của hợp đồng. Vì vậy, việc bà Nhanh không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm sự thỏa thuận theo Điều 3; Điều 7; Điều 8 và Điều 11 hợp đồng tín dụng số: 9196800041265600000 ngày 07 tháng 5 năm 2023.

Nay Công ty T yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Trần Thanh N phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T, tổng số tiền vay tính đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2024 là: 41.051.852 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 24.184.195 đồng; lãi trong hạn: 13.430.145 đồng; lãi quá hạn: 3.281.512 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng) và yêu cầu bà Nhanh tiếp tục phải thanh toán cho Công ty T tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 05 tháng 7 năm 2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 9196800041265600000 ngày 07 tháng 5 năm 2023.

Đối với bị đơn bà Trần Thanh N sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ cho bị đơn bà Trần Thanh N nhưng bị đơn bà Trần Thanh N không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án có gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án hai (02) lần nhưng bị đơn bà Trần Thanh N vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc bị đơn bà Trần Thanh N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2024 là: 41.051.852 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 24.184.195 đồng; lãi trong hạn: 13.430.145 đồng; lãi quá hạn: 3.281.512 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng) và tiếp tục thanh toán cho Công ty T tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 05 tháng 7 năm 2024 cho đến khi hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 9196800041265600000 ngày 07 tháng 5 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T ông Hứa Minh T vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt); bị đơn bị đơn bà Trần Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn Công ty T: Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Công ty T nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thanh N trả số tiền vay tính đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo hợp đồng tín dụng số: 9196800041265600000 ngày 07 tháng 5 năm 2023 thì bị đơn bà Trần Thanh N còn nợ số tiền gốc và tiền lãi là: 41.051.852 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 24.184.195 đồng; lãi trong hạn: 13.430.145 đồng; lãi quá hạn: 3.281.512 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả từ ngày 05 tháng 7 năm 2024 cho đến khi trả tất nợ vay theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự. Tuy nhiên, theo thông báo thụ lý Toà án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thanh N, có địa chỉ tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T. Hội đồng xét xử thấy rằng theo hợp đồng tín dụng số: 919680004126560000 ngày 07 tháng 5 năm 2023 bà Nhanh ký kết với Công ty T để bà Nhanh vay tiền mua xe máy cũ theo hình thức trả góp hàng tháng, thời hạn vay là 18 tháng; số tiền vay: 25.000.00 đồng; lãi suất: 4.3500%/tháng; số tiền thanh toán mỗi tháng: 2.043.421 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng. Ngày 22 tháng 6 năm 2023 bà Trần Thanh N đã thanh toán được cho Công ty T số tiền là 2.048.671 đồng, cụ thể: tiền gốc: 851.805 đồng; tiền lãi: 1.215.616 đồng; lãi quá hạn: 5.250 đồng; Phí quản lý khoản vay: 12.000 đồng. Nguyên đơn Công ty T cung cấp được cho Tòa án theo hợp đồng tín dụng số: 919680004126560000 ngày 07 tháng 5 năm 2023; Uỷ nhiệm chi lập ngày 08 tháng 5 năm 2023; giấy đề nghị vay kiêm phương án sử dụng vốn lập ngày 06 tháng 5 năm 2023; giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA và trong quá trình vay bị đơn bà Trần Thanh N đã thanh toán cho nguyên đơn Công ty T được tiền gốc và tiền lãi là: 2.048.671 đồng, cụ thể: tiền gốc: 851.805 đồng; tiền lãi: 1.215.616 đồng; lãi quá hạn: 5.250 đồng; Phí quản lý khoản vay: 12.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn bà Trần Thanh N và Công ty T có giao kết hợp đồng để vay số tiền 25.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 919680004126560000 ngày 07 tháng 5 năm 2023. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với với quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó, hợp đồng trên có giá trị pháp lý và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bị đơn bà Trần Thanh N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, như vậy bị đơn bà Nhanh vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3; Điều 7; Điều 8 và Điều 11 hợp đồng tín dụng số 919680004126560000 lập ngày 07 tháng 5 năm 2023.

Hiện nay, bị đơn bà Trần Thanh N còn nợ của nguyên đơn Công ty T tiền gốc và tiền lãi vay tính đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo hợp đồng số 930120003939650000 06 tháng 3 năm 2023, tổng cộng là: 41.051.852 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 24.184.195 đồng; lãi trong hạn: 13.430.145 đồng; lãi quá hạn: 3.281.512 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng). Xét thấy, bị đơn bà Trần Thanh N đã nhận tiền gốc vay của Công ty T, vì vậy, cần buộc bị đơn bà Trần Thanh N phải trả cho nguyên đơn Công ty T số tiền gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Công ty T yêu cầu tính lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn, thấy rằng, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số

919680004126560000 lập ngày 07 tháng 5 năm 2023 tại thời điểm xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty T được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thanh N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 63; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 100; Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T.

Buộc bị đơn bà Trần Thanh N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T số tiền vốn và lãi vay tính đến hết ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo hợp đồng số 919680004126560000 lập ngày 07 tháng 5 năm 2023 tiền gốc vay và tiền lãi là: 41.051.852 đồng. (Trong đó, nợ gốc: 24.184.195 đồng; lãi trong hạn: 13.430.145 đồng; lãi quá hạn: 3.281.512 đồng; Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng).

Kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2024 bị đơn bà Trần Thanh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thoả thuận giữa nguyên đơn Công ty T và bị đơn bà Trần Thanh N trong hợp đồng hợp đồng tín dụng số 919680004126560000 lập ngày 07 tháng 5 năm 2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thanh N phải chịu án phí số tiền 2.052.593 đồng.

Công ty T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 711.915 đồng theo biên lai thu số 0003471 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để

yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hồng